|  |  |
| --- | --- |
| Tên phòng thí nghiệm: |  |
| *Laboratory:* |  |
| Cơ quan chủ quản: |  |
| *Organization:* |  |
| Người quản lý: |  |
| *Laboratory manager:* |  |
| Người có thẩm quyền ký: |  |
| A*pproved signatory:* |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TT | Họ và tên/ *Name* | Phạm vi được ký/ *Scope* |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| Số hiệu/ *Code:* | |
| Hiệu lực công nhận/ *Period of Validation:* | |
| Địa chỉ/ *Address*: | |
| Địa điểm/*Location:* | |
| Điện thoại/ *Tel*: | Fax: |
| E-mail: | Website: |

| **TT** | **Tên sản phẩm, vật liệu được lấy/**  ***Name of sampling Materials or product*** | **Phương pháp lấy mẫu/**  ***The name of sampling method*** |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |

Chú thích:

* Sử dụng kiểu chữ Time New Roman mã Unicode, cỡ chữ 11, giãn dòng (exactly 14pt, spacing 2pt, after 2pt).
* Đánh dấu (\*\*) cho các phương pháp lấy mẫu mới (chỉ áp dụng cho đánh giá lại).

Note:

* Use Time New Roman - Unicode, font size 11, line spacing (exactly 14pt, spacing 2pt, after 2pt).
* Use (\*\*) for new sampling (apply for reassessment or extension)